

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

LÝ HÀNH SƠN, TRẦN THỊ MAI LAN (Đồng chủ biên, 2016), **Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam - Nghiên cứu tại vùng miền núi phía Bắc**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 399 tr.

Trong bối cảnh quốc tế và toàn cầu hóa hiện nay, mối quan hệ tộc người xuyên quốc gia ngày càng được củng cố và gia tăng trên nhiều lĩnh vực. Những mối quan hệ này mở ra cho các dân tộc cư trú ở vùng biên giới nhiều cơ hội phát triển về hoạt động kinh tế và giao lưu văn hóa, nhưng cũng chứa đựng nhiều nguy cơ tiềm ẩn gây mất ổn định về mặt chính trị, trật tự xã hội, an ninh quốc phòng,... Nội dung sách tập trung làm rõ mối quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người vùng miền núi phía Bắc ở Việt Nam. Sách gồm 4 chương.

Chương 1 khái quát về tình hình nghiên cứu, một số khái niệm và điều kiện tài nguyên môi trường, đặc điểm dân cư, dân tộc, nguồn gốc lịch sử và các đặc điểm kinh tế - xã hội của các dân tộc vùng miền núi phía Bắc.

Chương 2 phân tích thực trạng quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của các dân tộc Nùng, Thái, Hmông, Hà Nhì trong một số lĩnh vực (kinh tế, xã hội, văn hóa) và những vấn đề liên quan đến an ninh quốc phòng (di cư tự do, truyền đạo, buôn bán ma túy, phụ nữ và trẻ em xuyên quốc gia).

Chương 3 phân tích và đánh giá các yếu tố tác động đến quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của các tộc người Nùng, Thái, Hmông, Hà Nhì như chính sách dân tộc của Đảng, chính sách của nước láng

giềng, lịch sử và văn hóa tộc người, tôn giáo, toàn cầu hóa,...

Chương 4 phân tích những tác động tích cực, tiêu cực của quan hệ dân tộc xuyên quốc gia đến phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng ở vùng các dân tộc Nùng, Thái, Hmông, Hà Nhì, các xu hướng quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người miền núi phía Bắc.

HB.

TS. THẢO XUÂN SÙNG (Chủ biên, 2016), **Xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới**, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 291 tr.

Trong những năm qua, cùng với nhiều kết quả đã đạt được, công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số nhìn chung còn thiếu và yếu. Bởi vậy, xây dựng và kiện toàn hệ thống tổ chức cán bộ làm công tác dân vận tại vùng dân tộc thiểu số có số lượng hợp lý, có chất lượng và hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác dân vận trong thời kỳ mới là việc làm rất cấp bách.

Bằng những luận chứng sâu sắc cùng với nguồn tư liệu phong phú, cập nhật, 3 chương nội dung sách đã phân tích thực trạng đội ngũ và công tác xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận người dân tộc thiểu số ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới, đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại và chỉ rõ nguyên nhân. Trên cơ sở đó, các tác giả dự báo những thuận lợi và khó khăn liên quan đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận người dân tộc

thiếu số; chỉ rõ mục tiêu và những nguyên tắc cơ bản trong xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới; đồng thời đề xuất những giải pháp cơ bản cho công tác này đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

HOÀI PHÚC

TS. NGUYỄN THỊ THU HÀ (Chủ biên, 2015), **Định kiến giới đối với cán bộ nữ lãnh đạo các cấp trong bối cảnh hội nhập quốc tế** (Sách chuyên khảo), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 276 tr.

Ngày nay, định kiến giới vẫn còn tồn tại ở nhiều nơi, nhiều cấp, ở hầu hết các khách thể nghiên cứu, ở trong gia đình và xã hội. Vì vậy, việc nâng cao nhận thức, quan điểm về bình đẳng giới trong hệ thống chính trị và toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi, sự ủng hộ chung đối với cán bộ nữ là yêu cầu tất yếu, khách quan của sự nghiệp đổi mới. Nội dung sách tập trung nghiên cứu về định kiến giới đối với cán bộ nữ lãnh đạo các cấp trong bối cảnh hội nhập quốc tế dưới góc độ tâm lý học xã hội. Sách gồm 3 chương.

Chương 1 trình bày cơ sở lý luận về định kiến giới đối với cán bộ nữ lãnh đạo các cấp qua xu hướng nghiên cứu và cách tiếp cận về định kiến giới đối với phụ nữ trong lĩnh vực lãnh đạo, quản lý.

Chương 2 phân tích thực trạng định kiến giới đối với cán bộ nữ lãnh đạo các cấp trong bối cảnh hội nhập quốc tế, xác định những biểu hiện định kiến giới đối với cán bộ nữ lãnh đạo các cấp với tư cách là một hiện tượng tâm lý đặc trưng của con người và chỉ ra một số nhân tố tác động đến sự hình thành, thúc đẩy/kìm hãm định kiến giới đối với những cán bộ nữ lãnh đạo các cấp.

Chương 3 đánh giá ảnh hưởng của định kiến giới đối với cán bộ nữ lãnh đạo các cấp đến việc tiếp cận và hưởng lợi từ các nguồn lực, đến niềm tin, hứng thú nghề nghiệp, tính tích cực làm việc và hiệu quả công việc của cán bộ nữ lãnh đạo các cấp. Trên cơ sở đó, đưa ra một số kiến nghị nhằm góp phần giảm thiểu, hạn chế định kiến giới đối với họ.

TV.

GS.TS. PHÙNG HỮU PHÚ, GS.TS. LÊ HỮU NGHĨA, GS.TS. VŨ VĂN HIỀN, PGS.TS. NGUYỄN VIỆT THÔNG (Đồng chủ biên, 2016), **Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới**, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 831 tr.

Cuốn sách được biên soạn trên cơ sở chất lọc kết quả nghiên cứu nổi bật của 31 đề tài thuộc Chương trình “Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2011-2015”, mã số KX.04/11-15. Nội dung sách trình bày những vấn đề cơ bản nhất của quá trình đổi mới và phát triển ở Việt Nam trên bốn lĩnh vực.

Về chính trị và xây dựng Đảng, đổi mới hệ thống chính trị, thực hành dân chủ và xây dựng Đảng cầm quyền, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN.

Về kinh tế, định hướng mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong thời kỳ mới; phát triển đất nước thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng XHCN, vấn đề phát triển bền vững, nội hàm định hướng XHCN trong phát triển kinh tế thị trường; vấn đề sở hữu; sở hữu, quản lý và sử dụng đất đai, phát triển tập đoàn kinh tế.

Về văn hóa, xã hội, con người, hoàn thiện định hướng nhiệm vụ phát triển văn

hóa; đưa ra hệ giá trị Việt Nam và các giải pháp chủ yếu để thực hiện hóa hệ giá trị định hướng cốt lõi này vào cuộc sống; vấn đề liên minh giai cấp liên minh giai cấp; chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; dân tộc; tôn giáo; giáo dục-đào tạo và quyền con người.

Về quốc phòng, an ninh đối ngoại, làm rõ cục diện thế giới và khu vực; chiến tranh và hòa bình; vấn đề quốc gia, dân tộc trong thế giới đương đại; xây dựng nền quốc phòng toàn dân; bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia; bảo đảm trật tự an toàn xã hội; đấu tranh chống “diễn biến hòa bình”, phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vấn đề hội nhập quốc tế và tư tưởng, nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh trong tình hình mới.

QT.

GS.TS. PHẠM HỒNG THÁI (Chủ biên, 2016), **Tư tưởng Việt Nam về quyền con người** (Sách chuyên khảo), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 610 tr.

Ở Việt Nam, vấn đề quyền con người mới nhận được sự quan tâm của giới khoa học khoảng hơn hai mươi năm trở lại đây, nhưng thường tập trung nghiên cứu các văn bản pháp luật quốc tế, hay một số khía cạnh của pháp luật thực định quốc gia về quyền con người, mà ít có những nghiên cứu một cách hệ thống, xác đáng về tư tưởng quyền con người. Trong hệ thống pháp luật nước ta, các quy định về bảo vệ quyền con người mới chỉ được ghi nhận trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác nhau chưa thực sự đầy đủ và đang trong quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện. Nội dung sách làm rõ vấn đề có tính khoa học, nhận thức về quyền con người, tư tưởng nhân quyền ở Việt Nam không chỉ để nhận thức, mà để vận dụng vào việc

ban hành pháp luật, cụ thể hóa các quyền con người được ghi nhận trong toàn bộ hệ thống pháp luật và để thực hành pháp luật về quyền con người.

Cuốn sách gồm 7 chương, tập trung vào những nội dung căn bản như: Những vấn đề phương pháp luận nghiên cứu về quyền con người (*chương 1*); Nguồn gốc tư tưởng quyền con người ở Việt Nam (*chương 2*); Tư tưởng về quyền con người ở Việt Nam thời kỳ nhà nước phong kiến độc lập (giai đoạn 938-1885) và thời kỳ Pháp thuộc (thế kỷ XIX-XX) (*chương 3 và 4*); Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người (*chương 5*); Tư tưởng quyền con người của Đảng Cộng sản Việt Nam (*chương 6*); Tư tưởng quyền con người trong pháp luật Việt Nam từ năm 1945 tới nay (*chương 7*).

TK.

LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM (2016), **Phát triển kinh tế tập thể trong điều kiện Việt Nam đổi mới và hội nhập quốc tế**, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 280 tr.

Phát triển kinh tế tập thể mà nòng cốt là các hợp tác xã là chủ chương nhất quán, xuyên suốt của Đảng, Nhà nước. Trải qua các giai đoạn phát triển của đất nước, kinh tế tập thể luôn có vai trò, vị trí quan trọng. Cuốn sách nhằm tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước, nhất là Luật Hợp tác xã năm 2012 về phát triển kinh tế tập thể trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.

Chương 1 khái quát tình hình phát triển kinh tế tập thể qua các thời kỳ ở nước ta; nêu lên một số kết quả nổi bật của khu vực kinh tế tập thể trong thời kỳ đổi mới, đồng thời chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

nhằm đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

Chương 2 giới thiệu kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của một số nước trên thế giới như Cộng hòa Liên bang Đức, Canada, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hòa Kỳ, Ấn Độ, Singapore,...

Chương 3 đưa ra định hướng chung, định hướng phát triển hợp tác xã theo ngành, lĩnh vực/ vùng, miền/ phát triển các liên hợp tác xã; xác định mục tiêu phát triển, đổi mới tổ chức hoạt động của các cơ sở kinh tế tập thể và đề xuất một số giải pháp phát triển kinh tế tập thể trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.

TA.

TS. BÙI ĐỨC HÙNG (Chủ biên, 2016), **Tái cấu trúc kinh tế vùng Nam Trung bộ nhằm phát triển bền vững đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 459 tr.

Nhằm cung cấp luận cứ khoa học và cơ sở thực tiễn giải quyết những vấn đề liên quan đến tái cấu trúc kinh tế vùng Nam Trung bộ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng phát triển bền vững, cuốn sách tập trung làm rõ 5 vấn đề cơ bản của tái cấu trúc kinh tế vùng (đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, tái cấu trúc các ngành kinh tế, tái cấu trúc đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, tái cấu trúc hệ thống doanh nghiệp, tái cấu trúc hệ thống tài chính - ngân hàng), nhìn nhận và đánh giá thực trạng cấu trúc kinh tế vùng Nam Trung bộ trong thời gian qua, chỉ ra được mô hình tăng trưởng kinh tế vùng Nam Trung Bộ hiện nay, đưa ra các nhóm giải pháp nhằm tái cấu trúc kinh tế vùng này. Những nội dung cụ thể được trình bày trong 3 chương sách.

Chương 1 hệ thống hóa cơ sở lý luận tái cấu trúc kinh tế vùng theo hướng bền vững: làm rõ nội hàm của tái cấu trúc kinh tế vùng, các nhân tố tác động đến cấu trúc kinh tế vùng, kinh nghiệm của một số nước về tái cấu trúc kinh tế.

Chương 2 phân tích, đánh giá thực trạng cấu trúc kinh tế vùng Nam Trung bộ giai đoạn 2001-2014 (cấu trúc ngành kinh tế, cấu trúc thành phần kinh tế và cấu trúc địa phương).

Chương 3 dự báo các yếu tố và xu hướng phát triển, chỉ ra cơ hội và thách thức đối với vùng Nam Trung bộ trong bối cảnh tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam, đưa ra quan điểm và định hướng tái cấu trúc kinh tế vùng Nam Trung bộ theo hướng bền vững đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

TK.

TS. NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG (Chủ biên, 2016), **Thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế ở Việt Nam hiện nay** (Sách chuyên khảo), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 260 tr.

Ngày nay, trong việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội, các quốc gia trên thế giới, bằng các cách tiếp cận khác nhau, đều phải xem xét nghiên cứu công bằng xã hội. Ở nước ta, công bằng xã hội luôn được coi là một trong những mục tiêu xuyên suốt của cách mạng Việt Nam. Trong quá trình thực hiện mục tiêu công bằng xã hội, Việt Nam đã trải qua hai giai đoạn cơ bản, đó là thời kỳ trước đổi mới và thời kỳ từ khi đổi mới đến nay. So với thời kỳ trước đổi mới, Việt Nam đã tiến được một quãng đường dài trong việc thực hiện công bằng xã hội.

(xem tiếp trang 44)